

Bản án số: 113/2024/DS-ST

Ngày: 27-9-2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Thương và bà Huỳnh Thị Tâm.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Bùi Chí Bảo – Thư ký Toà án nhân dân Huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hải Lĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 232/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2024, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 274/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 218/2024/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Huyện Đức Linh, giữa các bên đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim H (tên thường gọi: Quy), sinh năm 1971;

Nơi cư trú: Số 14, đường Đ, tổ 1, khu phố 10, thị trấn Dt, Huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Vĩnh T, sinh năm 1971; nơi cư trú: Tổ 1, khu phố 4, thị trấn Dt, Huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Đỗ Thị Bích L, sinh năm 1971; nơi cư trú: Tổ 1, khu phố 4, thị trấn Dt, Huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

**Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn; vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:*

Ngày 01/10/2022, ông T có mượn của bà H (Quy) số tiền là 14.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận bằng miệng. Thời hạn trả nợ tháng 12/2022. Mục đích mượn để trang trải trong gia đình. Đến hạn trả nợ, bà H đòi nhiều lần, lúc đầu thì ông T hứa

hẹn nhưng về sau thì cúp điện thoại, không liên lạc, trốn tránh việc trả nợ.

Trong đơn khởi kiện, bà H yêu cầu ông T và bà L trả số tiền nợ vay gốc là 14.000.000đồng và tiền lãi tạm tính là 5.532.000đồng. Bà H yêu cầu ông T và bà L tiếp tục chịu lãi 1,66%/tháng kể từ ngày khởi kiện cho đến khi trả xong tiền nợ vay.

*Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến Tòa án tham gia tố tụng, không cung cấp ý kiến phản đối của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Kim H thay đổi yêu cầu khởi kiện ban đầu như sau: Bà H yêu cầu ông T và bà L trả cho bà H số tiền nợ vay gốc là 14.000.000đồng và tiền lãi của số tiền nợ gốc 14.000.000đồng tạm tính từ ngày 01/12/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 27/9/2024, với mức lãi suất 10%/năm và tiếp tục chịu lãi cho đến khi trả xong tiền nợ vay gốc.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện Đức Linh tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa hôm nay, xét thấy việc nguyên đơn khởi kiện là hoàn T có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Buộc **bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

(có bài phát biểu kèm theo)

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ vay và lãi suất phát sinh theo hợp đồng vay; bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố 4, thị trấn Dt, Hện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Hện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về tố tụng: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt và không có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn có ý kiến thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện ban đầu liên quan đến việc tính lãi suất từ mức lãi suất 20%/năm xuống mức lãi suất 10%/năm; ý kiến thay đổi của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về chứng cứ: Tại phiên tòa, nguyên đơn không nộp tài liệu, chứng cứ mới nào khác để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa và Tòa án đã thu thập được theo khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[4] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và do các đương sự cung cấp tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

#### [4.1] Về tính pháp lý của giao dịch dân sự:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án bản gốc của giấy nợ đề ngày 01/10/2022 có chữ ký và chữ viết tên “Nguyễn Vĩnh T”.

Theo nội dung thể hiện trong tài liệu do nguyên đơn cung cấp thì có cơ sở xác định đây là hợp đồng vay tài sản, lập thành văn bản, có thỏa thuận thời hạn trả nợ, có thỏa thuận lãi suất vay (thỏa thuận miệng theo lời khai của nguyên đơn) và các thỏa thuận khác. Tại thời điểm xác lập giao dịch vay tiền hai bên đều đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội; do đó giao dịch vay mượn tiền giữa nguyên đơn và bị đơn thể hiện qua giấy mượn tiền đề ngày 01/10/2022 đảm bảo các quy định tại Điều 117, 118, 119 và 463 của Bộ luật dân sự, nên được pháp luật dân sự bảo vệ.

Căn cứ Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015, nguyên đơn khởi kiện là trong thời hạn luật định.

#### [4.2] Về xác định nghĩa vụ trả nợ vay:

Tại Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau:

*“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”*

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác nhận và cam kết cho ông Nguyễn Vĩnh T vay số tiền 14.000.000 đồng vào ngày 01/10/2022 và nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông T và bà L có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc nêu trên và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận.

*Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến Tòa án tham gia tố tụng, không cung cấp ý kiến phản đối của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về xác định người có nghĩa vụ trả nợ: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn khai nhận khi vay tiền, bị đơn xác định mục đích mượn tiền của nguyên đơn là để trang trải trong gia đình; nhận thấy, việc ông T thực hiện giao dịch vay tiền của nguyên đơn được xác lập trong thời kỳ hôn nhân giữa ông T và bà L, tuy nhiên ông T không chứng minh được đây là nghĩa vụ riêng của ông trong thời kỳ hôn nhân với bà L. Do đó, nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông T, bà L liên đới thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ vay gốc 14.000.000 đồng là hoàn T phù hợp quy định tại các Điều 27, 30, 33 và 37 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 30 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về Quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng trong việc đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình như sau:

*“1. Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình.”*

Tại khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về Nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng như sau:

*“Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây:*

*2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình;”*

Tại Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về trách nhiệm liên đới của vợ, chồng như sau:

*“1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này.*

*2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này.”*

Do đó, căn cứ vào giấy nợ đề ngày 01/10/2022 có chữ ký và chữ viết tên “Nguyễn Vĩnh T”, lời khai cam kết chịu trách nhiệm pháp lý về tài liệu, chứng cứ

mà nguyên đơn sử dụng để khởi kiện đối với vợ chồng bị đơn; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4.4] Về lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ thời điểm bị đơn vay tiền (01/10/2022) đến thời điểm xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất 1,66%/tháng; tuy nhiên tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 01/12/2022 (ngày bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ), với mức lãi suất 10%/năm; nhận thấy, theo nội dung của giấy nợ lập ngày 01/10/2022 thì mặc dù hai bên không ghi nhận nội dung về thỏa thuận lãi suất nhưng các bên có thỏa thuận phương thức bị đơn trả nợ cho nguyên đơn là đến tháng 12/2022; tuy nhiên, sau khi lập giấy nợ thì bị đơn không thực hiện đúng cam kết về phương thức trả nợ; do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi chậm trả kể từ thời điểm vi phạm là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định:

*“4. Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.”*

Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định về lãi suất như sau:

*“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.*

*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.*

*Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.*

*2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.”*

Số tiền lãi suất được xác định như sau: Từ ngày 01/12/2022 đến 27/9/2024 là 01 năm 9 tháng 25 ngày x 10%/năm x 14.000.000đồng = 2.545.890đồng. (lấy tròn số là 2.545.000đồng)

Nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bị đơn chịu lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí DSST. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện Đức Linh tại phiên tòa phù hợp với những nhận định nêu trên.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 93; Điều 95; Điều 227, Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 147; Điều 161, Điều 262; Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 274, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, 30, 33, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

#### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Kim H (tên thường gọi: Quy).

- Buộc ông Nguyễn Vĩnh T và bà Đỗ Thị Thúy L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Kim H (Quy) tổng số tiền 16.545.000 (bằng chữ: mười sáu triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng. Trong đó, số tiền nợ vay gốc là 14.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 27/9/2024 là 2.545.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

#### **2. Về án phí:**

- Buộc ông Nguyễn Vĩnh T và bà Đỗ Thị Thúy L có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền 827.000 (bằng chữ: tám trăm hai mươi bảy nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Án phí nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Hện Đức Linh.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim H số tiền 463.000 (bằng chữ: bốn trăm, sáu mươi ba nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự Hện Đức Linh theo biên lai thu tiền số: 0004559 ngày 03 tháng 6 năm 2024.

**3.** Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

**4.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND Hện Đức Linh;
- Chi cục THADS Hện Đức Linh;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Mai Thuận**